

Bản án số:14/2024/HNGĐ – ST.

Ngày: 09/5/2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc Trọng

Ông Nguyễn Viết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M - SN 1984 “Có mặt”

Địa chỉ : KP Thanh Minh, phường Quảng Vinh, Thành phố Sầm Sơn ,tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đình L- SN 1983 “Vắng mặt”

Địa chỉ : KP T, phường Q, Thành phố S , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình L kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau hơn nữa anh L thường xuyên chửi bới, đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con: Anh chị có 02 con chung: Cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 13/11/2005 và cháu Phạm Đình H, sinh ngày 23/02/2009. Hiện nay cháu L1 đã thành niên chị không đề nghị Tòa giải quyết, còn cháu H, ly hôn chị đề nghị giao cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và bổ sung thêm ý kiến: Kể từ khi hai vợ chồng ly thân chị không có nơi ở và nghề nghiệp, thu nhập ổn định còn anh L có nơi ở ổn định và làm nghề sửa chữa điện tử ở nhà nên có thu nhập. Vì vậy, chị đề nghị giao cháu H cho anh L nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho cháu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Đình L theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt, Tòa án tiến hành xử vắng mặt anh L là đúng quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố S. Do vậy Tòa án thành phố S thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Chị M đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh L là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị M và anh Phạm Đình L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị M khai vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L lên Tòa án giải quyết nhưng anh L đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị M tha thiết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị cũng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn với anh L là phù hợp.

Về con: Anh chị có 02 con chung là: Cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 13/11/2005 (hiện nay cháu L1 đã thành niên) và cháu Phạm Đình H, sinh ngày 23/02/2009. Xét yêu cầu của chị M: đề nghị giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị M không có nơi ở và thu nhập ổn định còn anh L có nơi ở và thu nhập ổn định (xác minh tại địa phương xác nhận anh L có nơi ở, nghề nghiệp và có thu nhập ổn định), mặt khác cháu H lại là cháu trai, nên để đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho cháu cần giao cháu H cho anh L nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu của chị M được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Phạm Đình L.

Về con: Công nhận cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 13/11/2005 (hiện nay cháu L1 đã thành niên) và cháu Phạm Đình H, sinh ngày 23/02/2009 là con chung của chị M và anh L. Giao cháu Phạm Đình H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số 0004795 ngày 12/3/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Sầm Sơn (chị M đã nộp đủ án phí).

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPSS;
- THADS TPSS;
- UBND phường Quảng Vinh, TPSS;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long